

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

---



**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

**Mã ngành: 60 14 01 14**

**Cần Thơ**

Số: /ĐHCT - KSĐH

Cần Thơ, ngày.... tháng .... năm 2017

**TỜ TRÌNH**  
**ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành: **QUẢN LÝ GIÁO DỤC** Mã số: **60140114**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

Kính gửi: **Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo**

Chiến lược phát triển giáo dục năm 2011-2020 đã được phê duyệt với mục tiêu tổng quát đến năm 2020, nền giáo dục được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện. Để đạt được các mục tiêu chiến lược, 8 giải pháp đã được xây dựng. Trong đó hai giải pháp đầu là những giải pháp thuộc về đổi mới quản lý giáo dục và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (QLGD). Đổi mới mạnh mẽ QLGD là một trong các xu thế phát triển của giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Do đó, việc mở ngành QLGD ở Trường Đại học Cần Thơ nhằm góp phần thực hiện tốt các mục tiêu và giải pháp này.

Giáo dục - đào tạo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) hiện nay đang đòi hỏi cần phải được quan tâm, đầu tư về mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực cán bộ QLGD được đào tạo chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển giáo dục của vùng. Trong thực tế, năng lực cán bộ QLGD chưa theo kịp với sự đa dạng và đòi hỏi ngày càng cao của các hoạt động giáo dục trong quá trình hội nhập và phát triển. Đa số cán bộ QLGD ở vùng ĐBSCL chưa được đào tạo một cách đầy đủ và kịp thời để định hướng, đón đầu thực tiễn phát triển giáo dục - đào tạo. Nhu cầu đào tạo nguồn cán bộ QLGD có trình độ hàng năm của vùng thì cao, song cả vùng chưa có một cơ sở đào tạo nào đã mở mã ngành cao học

QLGD ngoài sự liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo QLGD ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Bắc. Đây là một khó khăn lớn cho khu vực ĐBSCL. Việc tổ chức đào tạo cao học QLGD cho vùng tại Trường Đại học Cần Thơ sẽ tiết kiệm được kinh phí đào tạo, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho học viên trong việc đi lại, ăn ở và thuận lợi trong việc gắn lý luận với thực tiễn đang diễn ra ngày càng đa dạng và phức tạp tại ĐBSCL. Hơn nữa, so với qui định, Trường Đại học Cần Thơ hiện nay đã có một đội ngũ giảng viên có trình độ đủ để đào tạo thạc sĩ ngành QLGD. Trường Đại học Cần Thơ đủ điều kiện đảm đương thực hiện tốt chương trình đào tạo ngành cao học QLGD.

## **2. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo**

Trường Đại học Cần Thơ được thành lập năm 1966, là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực và là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học trọng điểm ở Đồng bằng sông Cửu Long, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Tính đến năm 2013 tổng số ngành đào tạo là 134 ngành trong đó có 13 chuyên ngành tiến sĩ, 31 **chuyên** ngành thạc sĩ, 88 chuyên ngành trình độ đại học là và 02 ngành cao đẳng với các hình thức chính quy, vừa làm vừa học và từ xa. Đến nay, trường đã có trên 40 khóa tốt nghiệp đại học và trên 82.000 sinh viên tốt nghiệp. Hàng năm, Trường còn tiếp nhận sinh viên từ các trường đại học nước ngoài (Hoa Kỳ, Bỉ, Nhật Bản,...) đến học tại Trường trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác giữa hai bên.

Chất lượng đào tạo của Trường không ngừng được nâng cao, các phương tiện phục vụ nhu cầu học tập cho sinh viên đã tương đối hoàn chỉnh, giảng viên đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy mới phù hợp.

Tổng số cán bộ của trường hiện tại là 1968 người, trong đó có 347 người có học vị tiến sĩ, 838 người có học vị thạc sĩ, 523 người có trình độ đại học, 48 người có trình độ cao đẳng và 214 người có các trình độ khác. Trường hiện có 07 người có học hàm giáo sư, 115 có học hàm phó giáo sư, 137 người có chức danh là giảng viên chính (**48 tiến sĩ và 89 thạc sĩ**).

Có 4 phó giáo sư và 3 tiến sĩ chuyên ngành khoa học giáo dục tại Khoa Sư phạm. Có 5 tiến sĩ chuyên ngành quản lý giáo dục. Nhiều giáo sư, phó giáo sư đang vừa giảng dạy, nghiên cứu khoa học kiêm công tác quản lý trong Trường.

Diện tích đất của trường là 205,93 ha, diện tích sàn xây dựng là 169.313,44 m<sup>2</sup>, diện tích thư viện là 12.276 m<sup>2</sup>, với nhiều giảng đường, phòng học, phòng thí

nghiệm, xưởng thực tập – thực hành, ký túc xá sinh viên, nhà ăn sinh viên, nhà thi đấu thể dục thể thao và sân vận động. Trường có Trung tâm học liệu hiện đại với 425 máy tính nối mạng Internet, trên 300.000 đầu sách, tạp chí và tư liệu nghe nhìn.

### **3. Ngành đăng ký đào tạo và chương trình đào tạo**

- Ngành đào tạo : Quản lý giáo dục
- Hệ đào tạo : Chính quy
- Trình độ đào tạo : Thạc sĩ
- Đối tượng tuyển :

+ Đối tượng 1: Có bằng cử nhân ngành Quản lý giáo dục hoặc ngành Giáo dục học và có một năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục.

+ Đối tượng 2: Đối tượng có bằng đại học ngành gần và ngành khác, phải có ít nhất 2 năm kinh nghiệm công tác (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi) trong lĩnh vực giáo dục đào tạo tại một trong các vị trí công tác sau đây: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường từ bậc học mầm non trở lên; trưởng khoa, phó trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trường phổ thông; cán bộ quản lý công tác Đoàn, Đảng, Công đoàn trong các cơ sở giáo dục đào tạo; lãnh đạo, cán bộ quản lý và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh/quận/huyện, Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng/Ban chức năng, giáo vụ của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

- Thời gian đào tạo: 2 năm theo chương trình định hướng nghiên cứu

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển hàng năm: 50 chỉ tiêu

- Chương trình đào tạo ngành Quản lý giáo dục được xây dựng trên cơ sở nhu cầu nhân lực của vùng ĐBSCL và tham khảo Chương trình đào tạo ngành Quản lý giáo dục tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội và một số trường Đại học khác.

### **4. Kết luận và đề nghị**

Trường Đại học Cần Thơ sẽ tăng cường đầu tư các nguồn lực về con người và cơ sở vật chất để thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đối với ngành Quản lý giáo dục đã đăng ký mở.

Toàn bộ nội dung hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo đã được đưa lên trang web của Trường Đại học Cần Thơ tại địa chỉ: <http://www.ctu.edu.vn>.

Với những điều kiện trên, Trường Đại học Cần Thơ kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường được đào tạo ngành Quản lý giáo dục, mã số 60140114.

Trân trọng kính chào./.

***Nơi nhận:***

- Bộ GD&ĐT;
- Như kính gửi;
- BGH ĐHCT;
- Lưu VT, KSDH, KSP./.

**HIỆU TRƯỞNG**

# MỤC LỤC

<b>Phần 1: Sự cần thiết phải xây dựng đề án</b>	<b>6</b>
1.1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo	6
1.1.1. Vài nét Trường Đại học Cần Thơ	6
1.1.2. Vài nét <b>giới thiệu</b> về Khoa Sư phạm	7
1.2. Kết quả khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực	8
1.3. Kết quả về đào tạo đại học	9
1.4. Lý do mở ngành đào tạo	10
<b>Phần 2: Mục tiêu đào tạo, đối tượng tuyển sinh</b>	<b>12</b>
2.1. Những căn cứ lập đề án	12
2.2. Mục tiêu đào tạo	12
2.3. Thời gian đào tạo	13
2.4. Đối tượng tuyển sinh	14
2.5. Danh mục các ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp	14
2.6. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức	14
2.7. Dự kiến qui mô tuyển sinh	14
2.8. Dự kiến mức học phí	14
2.9. Yêu cầu đối với người tốt nghiệp	14
<b>Phần 3: Năng lực của cơ sở đào tạo</b>	<b>16</b>
3.1. Đội ngũ giảng viên	16
<b>Bảng 1:</b> Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo ngành	16
<b>Bảng 2:</b> Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy	17
3.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	19
3.2.1. Thiết bị phục vụ đào tạo	19
3.2.2. Thư viện	21
3.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học	25
3.3.1. Đề tài khoa học đã thực hiện	25
3.3.2 Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn	27
3.3.3 Các công trình nghiên cứu của cán bộ cơ hữu	30
3.4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	32

<b>Phần 4: Chương trình đào tạo</b>	<b>33</b>
4.1. Chương trình đào tạo	33
4.1.1. Khái quát chương trình	33
4.1.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo	38
4.2. Dự kiến kế hoạch đào tạo	44
<b>Phụ lục</b>	<b>45</b>
Phụ lục 1: Các quyết định liên quan đến ngành cho phép đào tạo	46
Phụ lục 2: Các biên bản liên quan đến đề án	
Phụ lục 3: Quy định về trình độ đào tạo thạc sĩ	
Phụ lục 4: Lý lịch khoa học của đội ngũ cán bộ cơ hữu	
Phụ lục 5: Minh chứng về đề tài nghiên cứu khoa học	
Phụ lục 6: Minh chứng về công bố công trình khoa học	
Phụ lục 7: Chương trình đào tạo tham khảo	

# PHẦN 1

## SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

### **1.1. Giới thiệu một vài nét chính về cơ sở đào tạo**

#### **1.1.1. Giới thiệu Trường đại học Cần Thơ**

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) được thành lập năm 1966, là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực và là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học trọng điểm ở Đồng bằng sông Cửu Long, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Nhiệm vụ chính của Trường là giáo dục-đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và trên đại học phục vụ phát triển kinh tế-xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Song song với công tác đào tạo, ĐHCT đã và đang tích cực thực hiện nhiều chương trình, dự án, đề tài NCKH các cấp, hợp tác với nhiều đơn vị trong và ngoài nước, nhằm phát minh, ứng dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ góp phần giải quyết các vấn đề về kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội, khoa học, kỹ thuật và công nghệ của vùng. Hiện nay, Trường đang mở rộng quan hệ hợp tác khoa học kỹ thuật với nhiều tổ chức quốc tế, trường đại học và viện nghiên cứu trên thế giới. Thông qua các chương trình hợp tác, năng lực quản lý và chuyên môn của đội ngũ cán bộ được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm, tài liệu thông tin khoa học được nâng cấp. Trường cũng tranh thủ được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương các tỉnh ĐBSCL trong các lĩnh vực giáo dục-đào tạo, hợp tác khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Từ kết quả của các công trình NCKH và các chương trình, dự án hợp tác trong và ngoài nước, Trường đã tạo ra nhiều sản phẩm, qui trình công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu, tạo được uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Về nguồn lực cán bộ: Tổng số cán bộ của trường hiện tại là 1968 người, trong đó có 347 người có học vị tiến sĩ, 838 người có học vị thạc sĩ, 523 người có trình độ đại học, 48 người có trình độ cao đẳng và 214 người có các trình độ khác. Trường hiện có 07 người có học hàm giáo sư, 115 có học hàm phó giáo sư, 137 người có chức danh là giảng viên chính (48 người là tiến sĩ và 89 người là thạc sĩ).

Về nguồn lực đào tạo: Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ngành đào tạo ban đầu. Tính đến quý 1 năm 2017 tổng số ngành đào tạo là 158 ngành trong đó có 16 chuyên ngành tiến sĩ, 43 ngành thạc sĩ, 97 chuyên ngành trình



độ đại học và 02 ngành cao đẳng với các hình thức chính quy, vừa làm vừa học và từ xa. Thời gian đào tạo bậc đại học tại Trường ĐHCT từ 4 - 5 năm cho các chương trình đào tạo cử nhân, kỹ sư, theo hệ thống tín chỉ. Chương trình đào tạo gồm ba học kỳ đầu tiên dành cho các môn chung của tất cả các khối ngành và các môn cơ bản cho từng khối ngành; các học kỳ còn lại dành cho các kiến thức cơ sở và chuyên môn cho chuyên ngành đào tạo. Chất lượng đào tạo của Trường không ngừng được nâng cao, các phương tiện phục vụ nhu cầu học tập cho sinh viên đã tương đối hoàn chỉnh, giảng viên đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy mới phù hợp.

Về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo: diện tích đất của trường là 205,93 ha, diện tích sàn xây dựng là 169.313,44 m<sup>2</sup>. Trong đó, có 186 giảng đường và phòng học với tổng diện tích là 35.139,11m<sup>2</sup>; 32 phòng máy tính với diện tích 2.044m<sup>2</sup>; diện tích thư viện là 12.276 m<sup>2</sup>; 43 phòng (nhà) thí nghiệm với diện tích 34.992,92m<sup>2</sup>; 556 phòng ký túc xá với diện tích 28.535,72m<sup>2</sup>; 3.923m<sup>2</sup> diện tích hội trường; 223m<sup>2</sup> diện tích nhà văn hóa; 1.500m<sup>2</sup> diện tích nhà thi đấu đa năng; 18.000m<sup>2</sup> diện tích sân vận động. Trường có Trung tâm học liệu hiện đại với 425 máy tính nối mạng Internet, trên 300.000 đầu sách, tạp chí và tư liệu nghe nhìn. Diện tích thư viện: 12.276 m<sup>2</sup>; Diện tích phòng đọc: 4.800 m<sup>2</sup>; Số chỗ ngồi: 900; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 550; Phần mềm quản lý thư viện: ILIB; Số lượng sách, giáo trình điện tử: 200.000 nhân/300.000 cuốn phục vụ các chuyên ngành đào tạo của trường. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (Bảng 3 đính kèm); Danh mục giáo trình của ngành đào tạo (Bảng 4 đính kèm); Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo (Bảng 5 đính kèm).

Về nghiên cứu khoa học: Đây là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL và cả nước. Trường đã đẩy mạnh hợp tác triển khai nghiên cứu khoa học với các sở ban ngành của các tỉnh thành vùng ĐBSCL, chủ yếu là sở Khoa học và Công nghệ, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học đã được tuyển chọn hoặc được chỉ định chủ trì đã triển khai góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương với sự tham gia của các đơn vị trong trường. Công tác xuất bản phẩm được nhà trường đặc biệt quan tâm và khuyến khích cán bộ và sinh viên trong và ngoài trường tham gia. Định kỳ 6 tháng, Trường xuất bản một số tạp chí khoa học đã được cấp mã số ISSN và tạp chí trong danh mục các tạp chí được tính điểm công trình của Hội đồng chức danh

giáo sư Nhà nước. Với các công trình khoa học công nghệ ngày càng nhiều, nhà trường đã ban hành quy trình xuất bản tạp chí mới để đáp ứng nhu cầu này. Từ năm 2010, mỗi năm có 4 kỳ xuất bản tạp chí (tháng 2, 5, 8 và 11), trong 5 năm qua, đã có 1696 bài được đăng, trong đó có 986 bài đăng trên các Tạp chí trong và ngoài nước (477 bài báo nước ngoài); 176 bài Kỷ yếu hội nghị hội thảo trong và ngoài nước; 534 bài Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ.

Về hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học: Trường chú trọng đẩy mạnh các chương trình hợp tác quốc tế nhằm phục vụ việc nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nâng cấp cơ sở vật chất. Uy tín của Trường ngày càng được khẳng định đối với bạn bè quốc tế. Từ chỗ hợp tác với khoảng 70 trường đại học và viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế (năm 2007) đến nay, Trường đã mở rộng hợp tác với hơn 150 viện, trường và tổ chức quốc tế. Trường đã ký kết 68 thỏa ước và thư hợp tác với các trường ở khắp các châu lục.

Hàng năm Trường tiếp nhận nhiều lượt chuyên gia đến làm việc, giảng dạy và cử hàng trăm cán bộ ra nước ngoài dự hội nghị, đào tạo ngắn hạn, dài hạn hay làm chuyên gia. Hằng năm, Trường đã cử trên 400 lượt cán bộ đi công tác, hội nghị, học lấy bằng, bồi dưỡng chuyên môn tại nhiều nước. Số đoàn khách vào để giảng dạy, tham quan, hợp tác nghiên cứu mỗi năm với Trường là gần 300 đoàn với tổng số khách là gần 1.000 người thuộc các đại học, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế. Trường đang tiếp tục tiến hành các dự án: Dự án Giáo dục Đại học, Dự án Trung Tâm Học Liệu (tài trợ của tổ chức Atlantic Phylanthropy), Dự án NPT (Netherlands Post-secondary Training), dự án CLUES nghiên cứu biến đổi khí hậu (hợp tác với ACIAR – Australia), các dự án RIP với Bỉ, với Hà Lan, và Đan Mạch. Trường cũng đã triển khai dự án MERKAM (đào tạo Thạc sĩ quốc tế về Chăn nuôi) và dự án WISDOM (của Công hòa Liên bang Đức) giai đoạn 2. Dự án TRIG - CTU đến nay đã cơ bản hoàn thành tất cả các nội dung hoạt động và với những kết quả rất tốt, được Ban lãnh đạo dự án TRIG và Ngân hàng Thế giới đánh giá cao. Trường ĐHCT là đơn vị đầu tiên trong số 22 trường cơ bản hoàn thành dự án.

Chương trình phát triển nguồn lực cho các tỉnh ĐBSCL (Mekong-1000) do Trường khởi xướng và đảm trách có tiến triển rất tốt. Tính đến tháng 08/2011, Chương trình Mekong 1000 đã có tổng cộng 556 ứng viên chính thức (chiếm gần 55% tổng số ứng viên dự kiến) được các địa phương tuyển chọn. Hiện nay, Chương

trình đã đưa đi học được tổng số 374 ứng viên. Trong đó, Thành phố Cần Thơ là đơn vị dẫn đầu với 121 ứng viên đã đi học. Trong chương trình Học phần nhiệt đới, đến nay đã tiếp nhận 13 đoàn sinh viên các nước Nhật Bản, Hoa Kỳ, Australia, Bỉ, Hà Lan, Đan Mạch... với tổng số 193 học viên. Ngoài ra, Trường còn liên kết với Đại học Aarhus Đan Mạch đào tạo cao học về Môi trường, liên kết với Đại học Bang Michigan (Hoa Kỳ) đào tạo chương trình tiên tiến về Công nghệ sinh học với trường Đại học Auburn (Hoa Kỳ) đào tạo chương trình tiên tiến về Nuôi trồng thủy sản.

### **1.1.2. Giới thiệu về Khoa Sư phạm**

Khoa Sư phạm là đơn vị đào tạo giáo viên hàng đầu của khu vực ĐBSCL. Hàng năm, Khoa đào tạo 1200 giáo viên THPT và hơn 100 giáo viên tiểu học. Bên cạnh đó có khoảng 140 thạc sĩ chuyên ngành lý luận và phương pháp dạy học ra trường.

Đơn vị trực tiếp đảm trách nhiệm vụ đào tạo ngành Quản lý giáo dục là Khoa Sư phạm của trường ĐHCT. Khoa Sư phạm được thành lập năm 1996 trên cơ sở hợp nhất các Khoa Toán - Lý, Hóa - Sinh, Sử - Địa, Ngữ văn và Ngoại ngữ trước đây. Nhiệm vụ chính của Khoa Sư phạm là đào tạo giáo viên phổ thông trung học, giáo viên tiểu học, cán bộ nghiên cứu giáo dục; thực hiện các công trình nghiên cứu về các lĩnh vực: khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Hiện nay, số ngành đào tạo bậc đại học của Khoa Sư phạm gồm 14 ngành: Sư phạm Toán học; Sư phạm Toán - Tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Vật lý - Tin học; Sư phạm Vật lý - Công nghệ; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Sinh – KTNN; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Pháp; Sư phạm Giáo dục Tiểu học. Chương trình đào tạo từ khóa 35 trở về trước gồm 138 tín chỉ. Chương trình đào tạo từ khóa 36 đến khóa 39 gồm 120 tín chỉ. Từ khóa 40 trở đi gồm 140 tín chỉ. Số ngành đào tạo bậc cao học gồm 4 ngành: Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Văn và Tiếng Việt; Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh; Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp; Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Toán.

Hàng năm, Khoa Sư phạm còn đảm nhận nhiệm vụ bồi dưỡng, tập huấn cho các giáo viên các tỉnh ĐBSCL về kiến thức chuyên môn và kiến thức về các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh...

Về nhân sự: tổng số cán bộ giảng dạy của Khoa Sư phạm tổng số cán bộ giảng dạy của Khoa Sư phạm là 178 người, trong đó có 5 cán bộ có học hàm phó giáo sư (3

PGS thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục), 58 người có chức danh giảng viên chính, 36 người có học vị tiến sĩ, 124 người có học vị thạc sĩ, 25 người có trình độ đại học.

Về công tác đào tạo: Khoa Sư phạm luôn cải tiến chương trình đào tạo để phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của vùng ĐBSCL. Bên cạnh việc đào tạo dài hạn, Khoa Sư phạm còn mở nhiều khóa tập huấn về phương pháp dạy học cho giáo viên các trường phổ thông, giảng viên cho các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.

Về công tác nghiên cứu khoa học: các đề tài nghiên cứu khoa học của Khoa Sư phạm tập trung vào các nội dung thuộc khoa học giáo dục ví dụ như việc thiết kế, thực hiện, cải tiến, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá chương trình giáo dục của Khoa, các lĩnh vực toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Ngoài ra Khoa Sư phạm cũng đã thực hiện nhiều dự án, đề tài nghiên cứu khoa học hợp tác với các trường Đại học của Úc, Thái Lan và tổ chức của Nhật trong lĩnh vực phát triển nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên và giáo viên.

Về công tác hợp tác quốc tế: Khoa Sư phạm đã, đang và tiếp tục xây dựng, phát triển các chương trình, dự án hợp tác với các trường và tổ chức quốc tế nhằm tăng cường sự hiểu biết, trao đổi kiến thức trong lĩnh vực khoa học giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và NCKH. Nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH là kế hoạch chiến lược của Khoa. Để đạt được được mục tiêu này, trong thời gian qua, Khoa thực hiện một số chương trình hợp tác với các đối tác quốc tế: Hogeschool van Amsterdam; Đại học Amsterdam, Hà Lan; Đại học Sydney, Úc; Đại học Quốc gia Lào; Đại học Phranakhon Rajabhat, Thái Lan; Đại học Surathanee Rajabhat, Thái Lan; Đại học Jakarta, Indonesia; Các trường phổ thông tại Lào, Thái Lan và Indonesia; Đại học quốc gia Singapore; Đại học New South Wales, Úc; Tổ chức Sumitomo, Nhật Bản; Ngân hàng thế giới và AusAid. Trường Đại học Sư phạm Quốc Gia Daegu, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á,... Ngoài ra, Khoa Sư phạm cũng đã thực hiện nhiều dự án, đề tài NCKH hợp tác với các trường Đại học của Úc, Thái Lan và tổ chức của Nhật trong lĩnh vực phát triển nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên và giáo viên.

## **1.2. Kết quả khảo sát nhu cầu nguồn lực**

**Bảng 1.** Mức độ cần thiết mở ngành thạc sĩ Quản lý giáo dục

Mức độ cần thiết mở ngành thạc sĩ	Số lượng	%
Không cần	2	8.3
Rất cần	22	91.6
Tổng cộng	24	100.0

**Bảng 2. Sự cần thiết của các học phần trong chương trình dự kiến đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục**

TT	Tên học phần	Mức độ cần thiết (%)			
		Hoàn toàn không cần thiết	Không cần thiết	Cần thiết	Rất cần thiết
<b>Phần kiến thức cơ sở: 16 tín chỉ (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 4 TC)</b>					
1	Giáo dục học so sánh	3.7	3.7	66.6	25.9
2	Lý luận dạy học hiện đại	3.7	3.7	59.3	33.3
3	Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục - đào tạo	3.7	0	81.5	14.8
4	Tâm lý học quản lý lãnh đạo	3.7		77.8	18.5
5	Khoa học quản lý	3.8	0	65.3	30.8
6	Tham vấn tâm lý	3.7	0	74.1	22.2
7	Thanh tra trong GD&ĐT	3.7	0	74.1	22.2
8	Xã hội học giáo dục	3.7	7.4	55.6	33.3
9	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	3.7	11.1	66.7	18.5
10	Quản lý sự thay đổi	3.8	0	30.8	65.4
<b>Phần kiến thức chuyên ngành: 26 tín chỉ (bắt buộc: 20, tự chọn: 6)</b>					
1	Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục	11.1	0	70.4	14.8
2	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục	3.7	3.7	59.3	33.3
3	Quản lý và lãnh đạo cơ sở giáo dục	3.8	7.1	78.6	3.6
4	Quản lý nguồn lực trong cơ sở giáo dục	3.7	3.7	63	29.6
5	Chính sách và chiến lược phát triển giáo	3.7	3.7	59.3	33.3

TT	Tên học phần	Mức độ cần thiết (%)			
		Hoàn toàn không cần thiết	Không cần thiết	Cần thiết	Rất cần thiết
	dục				
6	Quản lý tài chính trong cơ sở giáo dục	3.8	0	50	46.2
7	Giao tiếp trong quản lý giáo dục	3.8	3.8	73.1	19.2
8	Xây dựng và quản lý dự án giáo dục	3.7	3.7	11.1	81.5
9	Quản lý hoạt động văn hóa trong cơ sở giáo dục	3.7	3.7	3.7	88.9
10	Kinh tế học giáo dục	3.7	7.1	51.9	37
11	Ứng dụng CNTT trong QLGD	3.7	3.7	59.3	33.3
12	Luật giáo dục và GD đại học	3.7	0	55.6	40.7
13	Đánh giá và phát triển năng lực giáo viên	3.7	0	3.7	59.3
14	Tham quan Thực tế (TC)	3.8	0	53.8	42.3

Việc mở ngành Quản lý giáo dục xuất phát từ nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của các địa phương ở vùng ĐBSCL cũng như trên cả nước. Trong những năm qua, nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm đến việc phát triển giáo dục vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, thực tế cho thấy tỷ lệ số giảng viên, học sinh, sinh viên ở ĐBSCL còn rất thấp so với cả nước làm cho tình trạng nghèo đói, thất nghiệp ở ĐBSCL vẫn diễn ra ở mức cao. Một trong những nguyên nhân cơ bản là do công tác quản lý giáo dục vẫn còn yếu kém cả về chất lượng lẫn số lượng. Đa số các cán bộ quản lý từ bậc mầm non đến bậc đại học sau khi được bổ nhiệm làm quản lý mới được đào tạo hoặc bổ sung kiến thức quản lý giáo dục. Quy trình ngược này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng giáo dục cả nước nói chung và chất lượng giáo dục vùng ĐBSCL nói riêng.

Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 30/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về “Phát triển GD-ĐT và dạy nghề vùng ĐBSCL giai đoạn 2011 - 2015” nêu rõ mỗi địa phương và từng cơ sở đào tạo trong vùng xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu

và đảm bảo chất lượng. Đồng thời quyết định này cũng nêu rõ thực hiện việc đánh giá cán bộ quản lý theo chuẩn hiệu trưởng, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp; các trường đại học sư phạm đưa học phần Quản lý giáo dục vào chương trình đào tạo.

Trong kế hoạch triển khai đề án 911 được phê duyệt theo quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/06/2010 của Bộ GD&ĐT với mục tiêu đào tạo 20.000 giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học cao đẳng giai đoạn 2010 – 2020, Trường Đại học Cần Thơ đã đăng ký tham gia đào tạo 1000 tiến sĩ giai đoạn 2010 - 2020 cho ĐBSCL.

Thực tiễn phát triển đất nước cho thấy, lĩnh vực đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục ở ĐBSCL chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nguồn nhân lực. Trong khi đó, yêu cầu năng lực quản lý giáo dục ngày càng cao. Cho đến nay hầu hết các trường đại học ở ĐBSCL đều chưa mở ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục, mà mới có hình thức liên kết đào tạo. Vì vậy, việc đăng ký mở ngành Quản lý giáo dục nhằm đào tạo đội ngũ các thạc sĩ Quản lý giáo dục, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của Khoa Sư phạm, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của các địa phương vùng ĐBSCL và góp phần vào sự phát triển chung của cả nước.

Dựa vào những tiền đề trên, Trường ĐHCT đã xây dựng chiến lược phát triển chung cho toàn trường, đẩy mạnh phát triển đào tạo sau đại học để thúc đẩy hơn nữa quá trình đào tạo cán bộ quản lý giáo dục có trình độ chuyên môn cho vùng ĐBSCL.

### **1.3. Kết quả đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ của Trường Đại học Cần Thơ và Khoa Sư phạm.**

Tính đến quý 1 năm 2017 tổng số ngành đào tạo là 158 ngành trong đó có 16 chuyên ngành tiến sĩ, 43 ngành thạc sĩ, 97 chuyên ngành trình độ đại học và 02 ngành cao đẳng với các hình thức chính quy, vừa làm vừa học và từ xa.

Đến nay, Trường ĐHCT đã có gần trên 40 khóa sinh viên chính quy và tốt nghiệp đại học, cao đẳng, hàng chục khóa học viên tốt nghiệp trên đại học. Hàng năm, Trường còn tiếp nhận sinh viên từ các trường đại học nước ngoài (Hoa Kỳ, Bỉ, Nhật Bản,...) đến học tại Trường trong khuôn khổ thỏa thuận hợp tác giữa hai bên.

### **1.4. Lý do đề nghị cho phép mở ngành quản lý giáo dục trình độ thạc sĩ**

Thứ nhất, bối cảnh giáo dục thế giới phát triển theo hướng toàn cầu hóa thì yêu cầu năng lực của cán bộ quản lý giáo dục càng phải nâng cao. Trước tình hình chung của giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục ĐBSCL nói riêng, để đáp ứng theo xu

hướng mới không thể có tình trạng người cán bộ quản lí theo phương pháp “Thử và sai” được mà cần phải được đào tạo để hình thành và nâng cao trình độ, năng lực quản lí. Người cán bộ quản lí giáo dục từ bậc mầm non đến bậc đại học không đơn thuần là thừa lệnh cấp trên như trước đây mà phải như là một thuyền trưởng, một doanh nhân biết xoay xở để giải quyết vấn đề có hiệu quả cả về sử dụng tài chính, tổ chức nhân lực, năng lực sử dụng nhân tài.

Thứ hai, theo QĐ số 6639/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2011 phê duyệt "Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giáo dục giai đoạn 2011 - 2020", cơ cấu số lượng giảng viên ở Đồng bằng sông Cửu Long là 4500 người. Đồng thời tăng cường công tác quản lý hoạt động, xây dựng quy hoạch và kế hoạch thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lí giáo dục 18.000 người.

Thứ ba, so với mặt bằng chung của cả nước, giáo dục và đào tạo ở ĐBSCL vẫn thấp. Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là chất lượng năng lực quản lí giáo dục vừa thiếu lại vừa yếu nên là lực cản cho việc hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của cả nước nói chung và của vùng ĐBSCL nói riêng.

Thứ tư, nhân lực Trường Đại học Cần Thơ có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản lí giáo dục. Cụ thể là:

- Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản lí giáo dục; có khả năng nghiên cứu khoa học và tổ chức, hướng dẫn học viên cao học xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học.

- Có 6 phó giáo sư trong đó có 4 tiến sĩ chuyên ngành khoa học giáo dục tại Khoa Sư phạm, có 5 tiến sĩ chuyên ngành quản lí giáo dục; Giáo dục học và nhiều giáo sư, phó giáo sư đang vừa giảng dạy, nghiên cứu khoa học kiêm công tác quản lí trong Trường Đại học Cần Thơ.

- Có đủ khả năng và điều kiện thành lập hội đồng khoa học tổ chức đánh giá luận văn Thạc sĩ Quản lí giáo dục theo Quy chế đào tạo Thạc sĩ.

Thứ năm, Khoa Sư phạm hiện đã và đang đảm nhận đào tạo trình độ thạc sĩ 4 chuyên ngành thuộc khoa học giáo dục: Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Văn và Tiếng Việt; Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh; Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp; Lý luận và PPDH Bộ môn Toán. Ngoài ra, Trường ĐHTC nói chung, Khoa Sư phạm nói riêng đã liên kết với Trường Đại học



Sư phạm Hà Nội tham gia đào tạo được 3 khóa cao học chuyên ngành quản lý giáo dục cho các tỉnh ĐBSCL.

Thứ sáu, có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu, thư viện ... đảm bảo học viên có thể khai thác sử dụng để hoàn thành chương trình học tập.

Thứ bảy, Khoa Sư phạm đã và đang hợp tác giáo dục với nhiều chương trình giáo dục tiến bộ trên thế giới nhằm nâng cao năng lực đào tạo sư phạm, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Thứ tám, có chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý giáo dục và đề cương chi tiết các học phần chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo, được xây dựng theo quy định của Quy chế đào tạo Sau đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Dựa vào những tiền đề trên và đứng trước nhu cầu học tập nâng cao trình độ Quản lý của các cán bộ quản lý giáo dục, Trường Đại học Cần Thơ kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét cho Trường mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý Giáo dục. Hơn nữa, nếu được tổ chức đào tạo cao học Quản lý giáo dục cho vùng ĐBSCL tại thành phố Cần Thơ sẽ tiết kiệm được kinh phí đào tạo, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho học viên trong việc đi lại, ăn ở và thuận lợi trong việc gắn lý luận với thực tiễn đang diễn ra ngày càng đa dạng tại khu vực ĐBSCL.

## PHẦN 2

### MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

#### 2.1. Những căn cứ để lập đề án

Đề án mở ngành Cao học Quản lý Giáo dục tại Trường Đại học Cần Thơ được xây dựng dựa trên những cơ sở sau:

- Căn cứ vào những điều quy định đối với giáo dục đào tạo trình độ thạc sĩ trong Điều lệ Trường đại học “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng.

- Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Luật giáo dục đại học, 2012.

- Căn cứ vào giải pháp 1 - Giải pháp đột phá (Đổi mới quản lý giáo dục) và giải pháp 2-giải pháp then chốt (Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục) nhằm đạt được mục tiêu của Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 (Ban hành theo quyết định số 711/QĐ-TTg, ngày 13 tháng 06 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ).

- Căn cứ vào những yêu cầu đối với nhân cách cán bộ quản lý giáo dục được quy định trong các Chuẩn Hiệu trưởng:

+ Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2011 /TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

+ Chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học (Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT, Ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

+ Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2009/TT-BGDĐT Ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Căn cứ vào năng lực đáp ứng yêu cầu mở ngành Cao học Quản lý giáo dục của Trường Đại học Cần Thơ thể hiện ở đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ từ tiến sĩ trở lên về khoa học giáo dục nói chung và quản lý giáo dục nói riêng, ở cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ giảng dạy...

- Căn cứ vào thực trạng và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cán bộ quản lý giáo dục có trình độ cao phục vụ sự nghiệp giáo dục đào tạo vùng ĐBSCL hiện nay.

- Tham khảo một số chương trình đào tạo cao học Quản lý giáo dục trong và ngoài nước.

## **2.2. Mục tiêu đào tạo**

### **2.2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cán bộ có trình độ thạc sĩ quản lý giáo dục có phẩm chất đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có khả năng nghiên cứu nắm vững kiến thức và thực tiễn về khoa học giáo dục và quản lý giáo dục; đạt trình độ cao về thực hành nghiệp vụ quản lý giáo dục; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục.

### **2.2.2. Mục tiêu cụ thể**

#### ***a. Mục tiêu kiến thức***

- Hệ thống hóa được phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

- Hệ thống hóa được lý luận dạy học hiện đại; nền giáo dục ở Việt Nam và trên thế giới; giáo dục trong xu thế phát triển bền vững.

- Hệ thống hóa được lý luận về tâm lý học quản lý lãnh đạo; tham vấn trong quản lý giáo dục; giao tiếp trong quản lý giáo dục.

- Tích lũy vững chắc những kiến thức chuyên sâu về Khoa học Quản lý giáo dục; về nghiệp vụ quản lý giáo dục; về công nghệ trong QLGD.

#### ***b. Mục tiêu kỹ năng***

- Lập được kế hoạch quản lý trong giáo dục; chỉ đạo, tổ chức, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch trong quản lý giáo dục

- Thực hiện và ứng dụng có hiệu quả các đề tài nghiên cứu trong QLGD

- Huy động và phát triển được các nguồn lực trong công tác QLGD

- Thiết lập tốt các mối quan hệ giữa các lực lượng giáo dục.

- Xử lý tốt các tình huống trong quản lý giáo dục

#### ***c. Mục tiêu thái độ.***

- Có ý thức trách nhiệm; gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác quản lý

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà quản lý giáo dục; trung thực, tâm huyết với nghề nghiệp và có trách nhiệm trong công tác quản lý giáo dục; không lợi dụng chức vụ quản lý vì mục đích vụ lợi cá nhân; đảm bảo dân chủ trong quản lý giáo dục; tinh thần cầu tiến; quyết đoán; có tầm nhìn...

- Tác phong làm việc khoa học; giao tiếp, ứng xử có văn hóa; lối sống lành mạnh, phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập.

### **2.3. Thời gian đào tạo**

Đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục hệ chính quy, thời gian đào tạo là 2 năm đối với chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu.

Sau khi tốt nghiệp học viên có khả năng đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí:

- Cán bộ quản lý, lãnh đạo, chuyên viên tại các cơ sở giáo dục - đào tạo các cấp và tại các đơn vị quản lý nguồn nhân lực của các cơ quan, xí nghiệp.

- Giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên tại các trường cao đẳng, đại học, viện, trung tâm nghiên cứu về khoa học giáo dục.

### **2.4. Đối tượng tuyển sinh**

Bao gồm những người hội đủ những điều kiện quy định trong Quy chế đào tạo Sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, phù hợp: Quản lý giáo dục; Giáo dục học (*không học bổ sung kiến thức*)

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần: Tâm lý - giáo dục; Tâm lý học; Các ngành trong nhóm ngành đào tạo giáo viên; Giáo dục thể chất (*học bổ sung kiến thức*)

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác: (*học bổ sung kiến thức*) gồm các ngành: Kinh doanh và quản lý; Công nghệ kỹ thuật; Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân; Môi trường và bảo vệ môi trường; Dịch vụ xã hội; Sức khỏe; Kiến trúc và xây dựng; Sản xuất và chế biến; Máy tính và công nghệ thông tin; Khoa học tự nhiên; Khoa học xã hội; Pháp luật; Văn hóa-Nghệ thuật ...

## 2.5. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

+ Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần học bổ sung:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Giáo dục học	3
2	Đại cương khoa học quản lý	3
3	Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường	3
4	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
	<b>Tổng</b>	<b>12</b>

+ Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác học bổ sung:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Giáo dục học	3
2	Đại cương Khoa học quản lý	3
3	Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường	3
4	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3
5	Đại cương về tâm lý và tâm lý học nhà trường	3
6	Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy Quản lý giáo dục	3
7	Phát triển nguồn nhân lực và quản lý tài chính, cơ sở vật chất trong giáo dục	3
	<b>Tổng</b>	<b>21</b>

## 2.6. Dự kiến qui mô tuyển sinh

Mỗi năm tuyển sinh 40 học viên hệ chính quy (2 đợt).

Năm tiếp nhận	2017	2018	2019	2020
Số học viên	30	20-40	20-40	20-40

Môn thi tuyển sinh đầu vào:

- Môn cơ bản: Tâm lý học đại cương
- Môn cơ sở: Giáo dục học
- Môn điều kiện: Ngoại ngữ

## **2.7. Dự kiến mức học phí**

- Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP, mức trần học phí đối với trình độ đào tạo thạc sĩ của trường Đại học Cần Thơ là 11.850.000đ/người học/năm. Mức học phí có thể điều chỉnh theo qui định

## **2.8. Yêu cầu đối với người tốt nghiệp**

Các học viên được xét tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản lý giáo dục nếu có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, học viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình, không còn tín chỉ bị điểm dưới 5.

- Đã bảo vệ luận văn đạt yêu cầu từ 5.5 trở lên.

- Các yêu cầu khác của Bộ Giáo dục và đào tạo, của Trường Đại học Cần Thơ đối với người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ.

## PHẦN 3

### NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### 3.1.Đội ngũ giảng viên

Trong quá trình hình thành và phát triển, Trường ĐHCT đã không ngừng đầu tư xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ của trường.

Tổng số cán bộ của trường hiện tại là 1968 người, trong đó có 347 người có học vị tiến sĩ, 838 người có học vị thạc sĩ, 523 người có trình độ đại học, 48 người có trình độ cao đẳng và 214 người có các trình độ khác. Trường hiện có 07 người có học hàm giáo sư, 115 có học hàm phó giáo sư, 137 người có chức danh là giảng viên chính (48 tiến sĩ và 89 thạc sĩ).

Tổng số cán bộ giảng dạy của Khoa Sư phạm **tổng số cán bộ giảng dạy của** Khoa Sư phạm là 178 người, trong đó có 5 người có học hàm phó giáo sư (3 người thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục), 58 người có chức danh giảng viên chính, 36 người có học vị tiến sĩ, 124 người có học vị thạc sĩ, 25 người có trình độ đại học.

**Bảng 1. Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo ngành**

T	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm,CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Thái Công Dân, 1965 Trưởng khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn		Tiến sĩ, Thái Lan, 2010	Quản lý giáo dục	2011 ĐHCT	08 đề tài, 13 bài báo
2	Phan Huy Hùng, 1967, Giám đốc Trung tâm ĐBCL & KT		Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Quản lý Hành chính công		01 đề tài, 15 bài báo
3	Phạm Phương Tâm, 1971, Giám đốc Trung tâm LKĐT		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Khoa học Quản lý giáo dục		02 đề tài, 08 bài báo

<b>T</b> <b>T</b>	<b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Học hàm, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghệ</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Tham gia đào tạo SDH (năm,CSDT)</b>	<b>Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)</b>
4	Bùi Thị Mùi, 1957,	PGS, 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2005	Giáo dục học	2008-2013, Đại học sư phạm Hà Nội-ĐHCT	05 đề tài, 21 bài báo
5	Trần Lương, 1976,		Tiến sĩ Việt Nam, 2016	Giáo dục học		3 đề tài cấp trường, 20 bài báo

**GIÁM ĐỐC**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
(Ký tên, đóng dấu)



**Bảng 2. Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Học hàm, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Tham gia đào tạo SDH (năm,CSĐT)</b>	<b>Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)</b>
1	Thái Công Dân, 1965 Trưởng khoa		Tiến sĩ, Thái Lan, 2010	Quản lý giáo dục	2011, ĐHCT	08 đề tài, 13 bài báo
2	Phan Huy Hùng, 1967, Giám đốc Trung tâm ĐBCL&KT		Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Quản lý Hành chính công		01 đề tài, 15 bài báo
3	Phạm Phương Tâm, 1971, Giám đốc Trung tâm LKĐT		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Khoa học Quản lý giáo dục		02 đề tài, 08 bài báo
4	Bùi Thị Mùi, 1957	PGS, 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2005	Giáo dục học	2009, ĐHSPHN-ĐHCT	05 đề tài, 21 bài báo
5	Trịnh Quốc Lập, 1967, Trưởng khoa		Tiến sĩ, Hà Lan, 2005	Giáo dục học	2010, ĐHCT	03 đề tài, 27 bài báo
6	Nguyễn Bửu Huân, 1966, Phó giám đốc		Tiến sĩ, NewZealand, 2014	Giáo dục học	2007, ĐHCT	01 đề tài, 05 bài báo
7	Nguyễn Văn Lợi, 1972 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, NewZealand, 2011	Giáo dục học	2012, ĐHCT	04 đề tài, 04 bài báo
8	Lưu Nguyễn Quốc Hưng, 1970, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ		Tiến sĩ, Úc, 2013	Quản lý giáo dục	2014, Đại học Cần Thơ	07 bài báo
9	Trần Lương, 1976,		TS, Việt Nam, 2016	Giáo dục học		3 đề tài cấp trường, 20 bài báo
10	Nguyễn Phú Lộc, 1957	PGS, 2011	TS, Việt Nam, 2007	Giáo dục toán học	2010, ĐHCT	01 đề tài, 24 bài báo

<b>TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Học hàm, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Tham gia đào tạo SDH (năm,CSĐT)</b>	<b>Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)</b>
11	Nguyễn Thanh Phương, 1965, Phó hiệu trưởng	Giáo sư	Tiến sĩ, Thái Lan 1998	Nuôi trồng thủy sản	2010, ĐHCT	16 đề tài, 107 bài báo
12	Lê Việt Dũng, 1960, Phó hiệu trưởng	PGS	Tiến sĩ, Nhật Bản 1999	Di truyền và CGCT	2010, ĐHCT	03 đề tài, 17 bài báo
13	Nguyễn Văn Nở, 1961 Trưởng khoa	PGS, 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Lý thuyết và lịch sử văn học	2008, ĐHCT	02 đề tài, 43 bài báo
14	Nguyễn Thị Hồng Nam, 1958	PGS, 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2005	Lý thuyết và lịch sử văn học	2010, ĐHCT	02 đề tài, 37 bài báo
15	Trần Thị Phụng Hà, 1961, Q.Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, 2012, Hà Lan	Khoa học xã hội		03 đề tài, 10 bài báo
16	Lưu Thanh Đức Hải, 1964, Phó trưởng khoa	PGS, 2009	Tiến sĩ, 2003, Hà Lan	Kinh tế	Từ 2005, Đại học Cần Thơ	06 đề tài, 17 bài báo
17	Trần Cao Đệ, 1968, Trưởng khoa	PGS, 2013	Tiến sĩ, Canada, 2005	Tin học	Từ 2012, Đại học Cần Thơ	02 đề tài, 26 bài báo
18	Ngô Bá Hùng, 1973, Phó trưởng khoa		Tiến sĩ, Pháp, 2009	Tin học	Từ 2010, Đại học Cần Thơ	03 đề tài, 13 bài báo
19	Lê Khương Ninh, 1965, Phó trưởng khoa	PGS, 2009	Tiến sĩ, 2003, Hà Lan	Kinh tế	Từ 2005, Đại học Cần Thơ	05 đề tài, 57 bài báo
20	Nguyễn Quang Tuyền, 1956		Tiến sĩ, 2011, Thái Lan Lan	Khoa học xã hội	Từ 2012, Đại học Cần Thơ	09 đề tài, 22 bài báo

<b>TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Học hàm, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Tham gia đào tạo SDH (năm,CSĐT)</b>	<b>Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)</b>
21	Lê Thị Nguyệt Châu, 1972, Trưởng khoa		Tiến sĩ, 2006, Hà Lan	Luật học	Từ 2012, Đại học Cần Thơ	02 đề tài, 09 bài báo

**Bảng 3. Đội ngũ cán bộ mời giảng**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Học hàm, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Tham gia đào tạo SDH (năm,CSĐT)</b>	<b>Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)</b>
1	Huỳnh Văn Sơn, 1976, Trưởng khoa TLGD, ĐHSP TP. HCM.	PGS, 2013	Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Tâm lý học	Từ năm 2010	19 đề tài, 92 bài báo

**GIÁM ĐỐC**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
(Ký tên, đóng dấu)

### **3.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo**

#### **3.2.1. Thiết bị phục vụ đào tạo**

Tổng diện tích đất của trường là 2.185.369 m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích đất khu I 62.251,5 m<sup>2</sup>; diện tích đất khu 2 là 809.530,2 m<sup>2</sup>; diện tích đất khu 3 là 5.227,2 m<sup>2</sup>; diện tích khu Hòa An là 1.112.901 m<sup>2</sup>; diện tích đất lò gạch Bùng Bình là 23.726 m<sup>2</sup>; diện tích đất Trại thực nghiệm Vĩnh Châu là 171.142,1 m<sup>2</sup>; diện tích đất nhà Cộng đồng An Bình 291 m<sup>2</sup>.

Trường Đại học Cần Thơ hiện có 51.422,7 m<sup>2</sup> đất sàn xây dựng giảng đường, trong đó có 259 số phòng. Diện tích phòng máy tính là 2.044 đất sàn xây dựng với 34 phòng máy. Phòng học ngoại ngữ có tổng diện tích 180 m<sup>2</sup> đất sàn xây dựng với 04 phòng học ngoại ngữ. Diện tích đất sàn xây dựng thư viện là 12.276 m<sup>2</sup>. Có 45 phòng (nhà) thí nghiệm với diện tích 38.436,48m<sup>2</sup>; có 1.422 phòng ký túc xá với diện tích 77.259,12m<sup>2</sup>; 5.763m<sup>2</sup> diện tích hội trường; 4.965m<sup>2</sup> diện tích nhà thi đấu đa năng trong đó có 2 sân cầu lông, 1 sân tennis, 3 sân bóng đá, 15 sân bóng chuyên, 2 sân tập dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

Trường có Trung tâm học liệu hiện đại với 500 máy tính nối mạng internet, trên 300.000 đầu sách, tạp chí và tư liệu nghe nhìn. Trung tâm có bàn ngồi tự học và đọc sách; có khu vực ghế sofa ngồi đọc sách báo thư giãn; có phòng thảo luận phục vụ cho sinh viên học nhóm và trình bày nhóm; có phòng sau đại học phục vụ cho học viên cao học và nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu; có đầy đủ máy in, máy scan; máy photo; có phòng nghe nhìn đa phương tiện gồm có máy tính kèm headphone, máy cassette, ti vi, phòng thảo luận nghe nhìn phục vụ chiếu phim phụ đề tiếng Anh cho sinh viên học nhóm về ngoại ngữ. Tầng 4 có các Hội trường và phòng Hội nghị hiện đại là nơi tổ chức các Hội thảo và Hội nghị chuyên ngành. Số liệu cụ thể là:

- Diện tích thư viện: 12.276 m<sup>2</sup>
- Diện tích phòng đọc: 4.800 m<sup>2</sup>
- Số chỗ ngồi: 900
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 550
- Phần mềm quản lý thư viện: ILIB
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 200.000 nhãn/300.000 cuốn phục vụ các chuyên ngành đào tạo của trường.

Số TT	Loại phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Giảng đường	259	35.139,1	Máy chiếu	2	Tiếp cận trong quản lý giáo dục; Xã hội học giáo dục; Nguyên lý phát triển chương trình giáo dục
2	Phòng máy tính	34	2.044,0	Máy tính	20	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục; Chuyên đề
3	Phòng học ngoại ngữ	04	80,0	Máy tính	4	Ngoại ngữ

**GIÁM ĐỐC**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
(Ký tên, đóng dấu)

### 3.2.2. Thư viện

Trung tâm Học liệu Trường đại học Cần Thơ (<http://www.lrc.ctu.edu.vn/>) với diện tích 7.500m là một trong 4 trung tâm đạt tiêu chuẩn quốc tế và hiện đại nhất Việt Nam và là thư viện điện tử đầu tiên tại ĐBSCL với sức chứa 1000 người, được trang bị cơ sở vật chất hiện đại nhằm cung cấp dịch vụ đa năng cho tất cả các học viên, sinh viên, cán bộ nhân viên trong trường. Trung tâm học liệu không những cung cấp các bộ sưu tập phong phú về tài liệu và dịch vụ mà còn tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và phương tiện nhằm phục vụ bạn đọc học tập và nghiên cứu tốt nhất. Trung tâm Học liệu được trang bị:

- Khoảng 500 máy tính truy cập mạng tốc độ cao với hơn 60 nhân viên phục vụ; Bàn ngồi tự học và đọc sách; Khu vực ghế sofa ngồi đọc sách/báo thư giãn
- Phòng thảo luận: Phục vụ sinh viên học nhóm và trình bày nhóm.
- Phòng Sau Đại học: Phục vụ học viên cao học và nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu. Máy in và máy photo; Máy scan
- Phòng Nghe nhìn đa phương tiện: Gồm có máy tính kèm headphone, máy cassette, tivi, phòng Thảo luận Nghe nhìn phục vụ chiếu phim phụ đề tiếng Anh và cho sinh viên mượn học nhóm về ngoại ngữ.
- Tầng 4 có các hội trường và phòng hội nghị hiện đại là nơi tổ chức các hội thảo và hội nghị chuyên ngành mà bạn đọc có thể tham gia khi phù hợp.

**Bảng 4. Danh mục giáo trình của ngành đào tạo**

Số TT	Tên sách, tên tạp chí	Nhà xuất bản Năm sản xuất	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý giáo dục đào tạo	NXB ĐHSP,2003	3	Khoa học quản lý giáo dục
2	Khoa học quản lý – một số vấn đề lý luận và thực tiễn	NXB GD, 2003	5	Khoa học quản lý giáo dục
4	Bí quyết quản lý trường học hiệu quả và vận dụng đặc nhân tâm trong quản lý giáo dục	NXB Lao động Xã hội, 2013	3	Quản lí và phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục
5	Bí quyết quản lý và nghệ thuật	NXB Giao		Quản lí và phát triển

	lãnh đạo của Jack Welch	thông vận tải, 2005	1	nguồn nhân lực trong giáo dục
6	Những vấn đề cơ bản của Giáo dục học hiện đại	NXB Giáo dục, 1998	1	Lý luận dạy học
7	Giáo trình tiếp cận hiện đại trong giáo dục	NXB ĐHSPHN, 2007	3	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục
8	Đánh giá trong giáo dục	NXB Giáo dục, 1995	4	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục
9	Giáo dục vì cuộc sống sáng tạo	NXB Trẻ, 1994	2	Giáo dục vì sự phát triển bền vững
10	Tích hợp văn hóa Đông Tây – một chiến lược giáo dục tương lai	NXB GD, 1996	3	Chiến lược và kế hoạch phát triển giáo dục
11	Thống kê xác suất trong giáo dục và khoa học xã hội	NXBGD, 1997	5	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
12	Xã hội hóa công tác giáo dục	Viện KHGD, 1999	3	Xã hội học giáo dục
13	Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục đào tạo Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, 2001	5	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục
14	Những vấn đề cần biết trong thanh tra ngành GD-ĐT	NXB GD, 2003	7	Thanh tra trong GD&ĐT
15	Phát triển giáo dục và đào tạo nhân tài	NXB Chính trị Quốc gia, 2003	3	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục
16	Cẩm nang quản lý con người: 241 bí quyết quản lý nhân sự	NXB Hà Nội, 2006	1	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục

17	Tiến tới một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển bền vững	NXB Chính trị Quốc gia, 2011	2	Giáo dục vì sự phát triển bền vững
18	Phát triển cộng đồng: lý thuyết và vận dụng	NXB Văn hóa thông tin, 2000	2	Quản lý giáo dục cộng đồng
19	Tiếp nhận trị liệu nhận thức hành vi	NXB Thời đại, 2013	3	Tham vấn tâm lý
20	Phát triển chương trình giáo dục	NXB ĐHSPHN, 2013	5	Nguyên lý phát triển chương trình giáo dục
21	Văn hóa ứng xử và nghệ thuật giao tiếp nơi công sở	NXB Lao động, 2013	4	Quản lý văn hóa nhà trường
22	Dịch vụ giáo dục – quản lý và kiểm định	NXB ĐH Quốc gia TPHCM, 2014	3	Kinh tế học giáo dục
23	Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp	NXB Tổng hợp TPHCM, 2006	3	Quản lý sự thay đổi

**GIÁM ĐỐC**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký tên, đóng dấu)

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
(Ký tên, đóng dấu)



### 3.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

#### 3.3.1. Đề tài khoa học đã thực hiện

**Bảng 5: Đề tài khoa học đã thực hiện**

Số T T	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Tên chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệ m thu
<b>Cấp Bộ</b>					
1	Thực trạng và giải pháp tăng cường quản lý lãnh đạo của cán bộ nữ các trường công lập tại Cần Thơ	Chương trình phát triển Liên Hợp quốc Mã số: DA.BNG2012	Bùi Thị Mùi	Biên bản nghiệm thu ngày 3/1/2013	Loại tốt
2	Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục cho giáo viên và sinh viên sư phạm vùng ĐBSCL	Mã số: B2013-16-21	Trịnh Quốc Lập	6240/QĐ-BGDĐT 30/12/2016 nghiệm thu ngày 10/2/2017	Đạt
<b>Cấp trường</b>					
5	Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên Trường ĐHCT	MS:T2012-38	Trần Lương	4250/QĐ-ĐHCT 28/12/2012	Loại tốt
6	Đánh giá kết quả và giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường ĐHCT	MS:T2013-75	Phan Huy Hùng	5905/QĐ-ĐHCT 24/12/2013	Loại tốt
7	Quan niệm của sinh viên ĐHCT về giá trị sống	MS:T2013-27	Trần Phụng Hà	5758/QĐ-ĐHCT 22/11/2014	Loại tốt

8	Một số biện pháp nâng cao chất lượng quản lý đào tạo từ xa của trường ĐHCT.	MS:T2014-42	Phạm Phương Tâm	7025/QĐ- ĐHCT 31/12/2014	Loại tốt
9	Biện pháp rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên Trường ĐHCT	MS:T2014-75	Trần Lương	727/QĐ- ĐHCT 28/03/2015	Loại tốt
10	Giải pháp quản lý phát triển đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu nhân lực trong bối cảnh hội nhập của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.	MS:T2014-94	Phạm Phương Tâm	4995/QĐ- ĐHCT Ngày 31/12/2015	Loại tốt

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
(Ký tên và đóng dấu)

### 3.3.2. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn

**Bảng 6: Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn**

<b>TT</b>	<b>Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn học viên cao học</b>	<b>Họ tên, học vị, học hàm người hướng dẫn học viên cao học</b>	<b>Số lượng học viên cao học</b>
1	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học	PGS. TS. Bùi Thị Mùi	05
2	Quản lý hoạt động đổi mới phương pháp dạy học		
3	Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp		
4	Quản lý nâng cao chất lượng đào tạo	TS. Phạm Phương Tâm	04
5	Quản lý hoạt động bồi dưỡng giáo viên		
6	Biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng cán bộ quản lý		
7	Quản lý đổi mới kiểm tra, đánh giá	TS. Phan Huy Hùng	04
8	Quản lý các trung tâm giáo dục thường xuyên		
9	Biện pháp quản lý cơ sở vật chất		
10	Quản lý công tác bồi dưỡng hiệu trưởng các trường	TS. Nguyễn Bửu Huân	03
11	Quản lý hoạt động của tổ chuyên môn		
12	Quản lý xây dựng trường chuẩn quốc gia		
13	Quản lý dự án giáo dục	TS. Nguyễn Văn Lợi TS. Trần Lương	04
14	Quản lý chất lượng giáo dục-đào tạo		
15	Quản lý đổi mới phương pháp dạy học tiếng nước ngoài		
16	Quản lý đổi mới công tác học sinh, SV	TS. Thái Công Dân	05
17	Quản lý nền nếp học tập của học sinh, sinh viên		
18	Quản lý dạy học tiếng nước ngoài		
19	Quản lý hoạt động dạy học của giáo viên		
20	Quản lý đổi mới phương pháp dạy học tiếng nước ngoài	TS. Trịnh Quốc Lập	04

21	Quản lý xây dựng, phát triển chương trình giáo dục		
22	Quản lý dự án giáo dục		
23	Quản lý công tác xã hội hóa giáo dục	TS.Trần Thị Phụng Hà	05
24	Quản lý hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục	TS.Ngô Quang Tuyền	
25	Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên	PGS.TS.Nguyễn Phú Lộc	03
26	Quản lý đổi mới phương pháp dạy học		
27	Quản lý xây dựng môi trường văn hóa nhà trường	PGS.TS. Nguyễn Thị Hong Nam	03
28	Quản lý đổi mới phương pháp dạy học		
29	Quản lý tài chính trong giáo dục	PGS.TS. Lưu Thanh Đức Hải	02
		TS. Lê Khương Ninh	02
30	Quản lý thông tin trong giáo dục	PGS.TS. Trần Cao Đệ	02
		TS. Ngô Bá Hùng	02
31	Quản lý hoạt động huy động các nguồn lực giáo dục	TS. Lưu Nguyễn Quốc Hưng	04
32	Quản lý phát triển đội ngũ giáo viên giảng dạy tiếng nước ngoài		

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
(Ký tên và đóng dấu)

### 3.3.3. Các công trình nghiên cứu của cán bộ cơ hữu

**Bảng 7: Các công trình nghiên cứu của cán bộ cơ hữu**

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Đề xuất mô hình nhằm tăng cường quản lý sự thay đổi hiệu quả trong giáo dục phát triển bền vững tại bậc ĐH: "Case-study" tại ĐH Cần Thơ, Việt Nam	Thái Công Dân	Tập san (Proceedings) hội thảo quốc Viện Quản trị học, ĐH Devi Ahilya, Indore, MP, Ấn Độ; Website: <a href="http://www.mtmi.us">http://www.mtmi.us</a>
2	Quản lý Nhà nước đối với các trường Đại học Việt Nam nhằm đảm bảo sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Phan Huy Hùng	Tạp chí Quản lý Nhà nước
3	Đổi mới phương thức phân bổ và kiểm soát tài trợ công nhằm thúc đẩy tự chủ và trách nhiệm xã hội của trường ĐH	Phan Huy Hùng	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
4	Bảo đảm trách nhiệm xã hội của trường đại học	Phan Huy Hùng	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ
5	Xây dựng môi trường học tập cho sinh viên trong các tiết lên lớp	Bùi Thị Mùi	Tạp chí giáo dục, Số 318-9/2013.
6	Thực trạng năng lực quản lý lãnh đạo của cán bộ nữ trong các trường công lập thành phố Cần Thơ	Bùi Thị Mùi; Nguyễn Thị Bích Liên	Tạp chí giáo dục, Số 342-9/2014
7	Các hình thức tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục trong các trường sư phạm	Bùi Thị Mùi	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế tổ chức tại ĐHSB Hà Nội, 2015
8	Thực hiện quyền hành pháp	Phan Huy Hùng	Kỷ yếu Hội thảo,

	trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Thách thức và giải pháp.		2013; Học viện Chính trị-Hành chính khu vực II và ĐHCT tổ chức.
9	Đôi nét về đào tạo nghề ở Australia	Trịnh Quốc Lập; Nguyễn Văn Đệ	Tạp chí giáo dục, 2012
10	Xây dựng môi trường học tập cho sinh viên trong lớp học theo học chế tín chỉ	Trịnh Quốc Lập; Bùi Thị Mùi	Kỷ yếu hội thảo Hội Khoa học Tâm lý giáo dục Việt Nam,2013
11	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên-Những bài học kinh nghiệm của khoa Sư phạm trường ĐHCT	Nguyễn Thị Hồng Nam; Trịnh Quốc Lập	Tạp chí giáo dục, Số đặc biệt -11/2014.
12	Đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Phạm Phương Tâm	Tạp chí giáo dục, 2014
13	Cơ sở khoa học về quản lý đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ đại học	Phạm Phương Tâm	Tạp chí giáo dục, 2015
14	Nâng cao chất lượng đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu xã hội học tập và học suốt đời	Phạm Phương Tâm	Tạp chí giáo dục, 2015
15	Vai trò của đào tạo không chính quy đối với đào tạo nhân lực trình độ cao vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Phạm Phương Tâm	Tạp chí giáo dục, 2015.
16	Gắn kết giữa trường đại học và trường phổ thông	Nguyễn Thị Hồng Nam Hồ Thị Thu Hồ	Kỷ yếu HN quốc gia, NXB Giáo dục,2012
17	Hiệu quả của tư vấn đối với	Nguyễn Thị Hồng	Tạp chí Khoa học, Đại

	việc phát triển chuyên môn cho Giáo viên	Nam	học Cần Thơ, 2013
18	Đánh giá thực trạng và nhu cầu đào tạo cán bộ, công chức thành phố Cần Thơ.	Nguyễn Hồng Tín; Võ Thị Thanh Lộc; Nguyễn Quang Tuyền; Võ Thành Danh; Võ Kim Thoa.	Tạp chí Khoa học ĐHCT, Số 36-2015
19	Nghiên cứu và xây dựng khung năng lực cán bộ, công chức thành phố Cần Thơ.	Nguyễn Hồng Tín; Võ Thị Thanh Lộc; Nguyễn Quang Tuyền; Võ Thành Danh; Võ Kim Thoa.	Tạp chí Khoa học ĐHCT, Số 36-2015
20	Đánh giá thực trạng năng lực cán bộ, công chức thành phố Cần Thơ.	Nguyễn Hồng Tín; Võ Thị Thanh Lộc; Nguyễn Quang Tuyền; Võ Thành Danh; Võ Kim Thoa.	Tạp chí Khoa học ĐHCT, Số 38-2015
21	Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho sinh viên Trường Đại học Cần Thơ,	Trần Lương	Tạp chí khoa học, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, số 8, tr 42-53, 2014
22	Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên Trường Đại học Cần Thơ,	Trần Lương	Kỷ yếu hội nghị nghiên cứu khoa học trẻ, Trường Đại học Cần Thơ, 2014
23	Thiết kế định hướng kết quả	Trần Lương	Tạp chí GD, số Đặc

	học tập của module dạy học,		biệt, tháng 3/2015
24	Thực trạng kỹ năng quản lý thời gian của sinh viên Trường đại học Cần Thơ	Trần Lương	Tạp chí khoa học Đại học Huế, số 6, năm 2015
25	Tổ chức module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ	Trần Lương	Tạp chí GD, số 351, năm 2015
26	Thiết kế chương trình học phần GDH theo lí thuyết module trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ,	Trần Lương	Tạp chí GD, số Đặc biệt, tháng 5, tr 199-200, 2015
27	Tổ chức module dạy học trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ,	Trần Lương	Tạp chí GD, số 351, tr 31-33&42, 2015
28	Thực trạng kỹ năng lập kế hoạch học tập của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ	Trần Lương	Tạp chí Thiết bị giáo dục, Số 128, 2016

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
(Ký tên và đóng dấu)



### **3.4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học**

Trường Đại học Cần Thơ chú trọng đẩy mạnh các chương trình hợp tác quốc tế nhằm phục vụ việc nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nâng cấp cơ sở vật chất. Uy tín của Trường ngày càng được khẳng định đối với bạn bè quốc tế. Từ chỗ hợp tác với khoảng 70 trường đại học và viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế từ năm 2007 đến nay, Trường đã mở rộng hợp tác với hơn 150 viện, trường và tổ chức quốc tế. Trường đã ký kết 68 thỏa ước và thư hợp tác với các trường ở khắp các châu lục. Trường đang tiếp tục tiến hành các dự án: Dự án Giáo dục Đại học, Dự án Trung Tâm Học Liệu (tài trợ của tổ chức Atlantic Phylanthropy), Dự án NPT (Netherlands Post-secondary Training), dự án CLUES nghiên cứu biến đổi khí hậu (hợp tác với ACIAR – Australia), các dự án RIP với Bỉ, với Hà Lan, và Đan Mạch,... Trường cũng đã triển khai dự án MERKAM và dự án WISDOM (của Cộng hòa Liên bang Đức) giai đoạn 2. Dự án TRIG-CTU đến nay đã cơ bản hoàn thành tất cả các nội dung hoạt động và với những kết quả rất tốt, được Ban lãnh đạo dự án TRIG và Ngân hàng Thế giới đánh giá cao. Trường Đại học Cần Thơ là đơn vị đầu tiên trong số 22 trường cơ bản hoàn thành dự án.

Chương trình phát triển nguồn lực cho các tỉnh ĐBSCL (Mekong-1000) tiến triển rất tốt. Tính đến tháng 08/2011, Chương trình Mekong 1000 đã có tổng cộng 556 ứng viên chính thức (chiếm gần 55% tổng số ứng viên dự kiến) được các địa phương tuyển chọn. Hiện nay, Chương trình đã đưa đi học được tổng số 374 ứng viên. Trong đó, Thành phố Cần Thơ là đơn vị dẫn đầu với 121 ứng viên đã đi học. Trong chương trình Học phần nhiệt đới, đến nay đã tiếp nhận 13 đoàn sinh viên các nước Nhật Bản, Hoa Kỳ, Australia, Bỉ, Hà Lan, Đan Mạch... Ngoài ra Trường còn liên kết với ĐH. Aarhus - Đan Mạch đào tạo cao học về Môi trường, liên kết với ĐH Bang Michigan (Hoa Kỳ) đào tạo chương trình tiên tiến về Công nghệ sinh học, và với trường Đại học Auburn (Hoa Kỳ) đào tạo chương trình tiên tiến về Nuôi trồng thủy sản. Các chương trình hợp tác quốc tế với Úc, Mỹ, Bỉ, Pháp, Thái Lan, Hàn Quốc và các Trường trong khu vực Đông Nam Á đã hỗ trợ phát triển năng lực chuyên môn và năng lực NCKH cho giảng viên và giáo viên của các cơ sở đào tạo khu vực ĐBSCL.

Khoa Sư phạm đã, đang và tiếp tục xây dựng, phát triển các chương trình, dự án hợp tác với các trường và tổ chức quốc tế nhằm tăng cường sự hiểu biết, trao đổi

kiến thức trong lĩnh vực khoa học giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và NCKH. Nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH là kế hoạch chiến lược của Khoa. Để đạt được được mục tiêu này, trong thời gian qua, Khoa thực hiện một số chương trình hợp tác với các đối tác quốc tế: Hogeschool van Amsterdam; Đại học Amsterdam, Hà Lan; Đại học Sydney, Úc; Đại học Quốc gia Lào; Đại học Phranakhon Rajabhat, Thái Lan; Đại học Surathanee Rajabhat, Thái Lan; Đại học Jakarta, Indonesia; Các trường phổ thông tại Lào, Thái Lan và Indonesia; Đại học quốc gia Singapore; Đại học New South Wales, Úc; Tổ chức Sumitomo, Nhật Bản; Ngân hàng thế giới và AusAid. Trường Đại học Sư phạm Quốc Gia Daegu, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á,... Ngoài ra, Khoa Sư phạm cũng đã thực hiện nhiều dự án, đề tài NCKH hợp tác với các trường Đại học của Úc, Thái Lan và tổ chức của Nhật trong lĩnh vực phát triển nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên và giáo viên.

**Bảng 8. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học**

TT	Mã số đề tài	Tên đề tài	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Tổng kinh phí	Tổ chức Quốc gia tài trợ	Khoa thực hiện
1		Dự án MHO4 đổi mới phương pháp giảng dạy trong công tác đào tạo giáo viên	1996	2004	2 triệu USD	Hợp tác với đại học Amsterdam (HàLan)	Khoa Sư Phạm
2		Dự án MSU-CTU “Kết hợp cải cách giáo dục với phát triển cộng đồng bền vững”	2001	2009	600.000 USD	Michigan State University (Hoa Kỳ)	Khoa Sư Phạm – Khoa NN
3		Dự án LG “Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và năng lực đào tạo GV cho giảng viên Khoa Sư phạm, ĐH Cần Thơ	2001	2006		Michigan State University (Hoa Kỳ)	Khoa Sư Phạm

4		Dự án NFP “Implementing active teaching methods and corresponding assessment in higher education”	2006	2007		NUFFIC (Hà Lan)	Khoa Sư Phạm
5		Dự án đào tạo bồi dưỡng hiệu trưởng cho các trường phổ thông	2008	2010		Hợp tác với Học viện giáo dục quốc gia NIE Singapore	
6		Dự án “Reforming Initial Teacher Education at Can Tho University, a collaborative project between the University of Sydney and Can Tho University”	2008	2009		AUSAID	Khoa Sư Phạm
7		Dự án Phát triển nguồn nhân lực cho đào tạo nghề	2010	2011		Đại học Newcastle Australia	Khoa Sư Phạm
8		Chương trình đào tạo thực tiễn về môi trường cho các nhà quản lý Châu Á và Châu Phi	2010	2014		Nhật Bản	Khoa MT& TNTN

9		Sử dụng mô hình nghiên cứu bài học trong công tác đào tạo giáo viên	2011	2012	2.000 USD	Tổ chức Sumitomo-Nhật Bản	
10		Project Blended learning, Funded by World Bank	2012	2013		World Bank	Khoa Sư Phạm
11		Dự án lồng ghép giáo dục môi trường	2012	2013		GIZ (Đức),	Khoa MT&TNTN, Khoa Sư Phạm
12		Sử dụng mô hình nghiên cứu bài học trong công tác đào tạo giáo viên (tt)	2012	2013	3.000 USD	Sumitomo (Nhật Bản)	Khoa Sư phạm
13		Phát triển năng lực suy ngẫm, chiêm nghiệm cho SV SP	2014	2015	6.000.000 USD	Sumitomo (Nhật Bản)	Khoa Sư phạm
14		Đề án “Nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học”	2015	2016		Ngân hàng thế giới tài trợ.	Khoa Sư Phạm
15		Đề án VALOFRASE nhằm hỗ trợ giảng dạy tiếng Pháp cấp khu vực Châu Á-Thái Bình Dương	2015	2016		AUF triển khai và OIF tài trợ.	Khoa Sư Phạm

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
(Ký tên và đóng dấu)

**PHẦN 4**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**4.1.Chương trình đào tạo**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Chuyên ngành Quản lý giáo dục**

1	<b>Tên ngành đào tạo</b>	<b>Quản lý giáo dục (Educational Management)</b>
2	<b>Mã ngành</b>	60140114
3	<b>Đơn vị quản lý</b>	Bộ môn Tâm lý giáo dục, Khoa Sư phạm
4	<b>Môn thi đầu vào</b>	- Tâm lý học đại cương (cơ sở) - Giáo dục học (cơ sở ngành) - Ngoại ngữ
5	<b>Các ngành dự thi</b>	
5.1	<b>Ngành đúng, Ngành phù hợp</b>	Quản lý giáo dục
5.2	<b>Ngành gần</b>	Giáo dục học, Tâm lý học, các ngành trong nhóm ngành Đào tạo giáo viên, Giáo dục thể chất...
5.3	<b>Ngành khác</b>	Kinh doanh và quản lý; Công nghệ kỹ thuật; Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân; Môi trường và bảo vệ môi trường; Dịch vụ xã hội; Sức khỏe; Kiến trúc và xây dựng; Sản xuất và chế biến; Máy tính và công nghệ thông tin; Khoa học tự nhiên; Khoa học xã hội; Pháp luật; Văn hóa-Nghệ thuật ...
6	<b>Mục tiêu</b>	Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực quản lý giáo dục góp phần phát triển giáo dục - đào tạo.
7	<b>Chuẩn đầu ra</b>	Thạc sĩ Quản lý giáo dục – người thực hiện tốt vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của người cán bộ quản lý giáo dục tại các cơ sở giáo dục – đào tạo; thực hiện tốt các nghiên cứu trong quản lý giáo dục.

<b>7.1</b>	<b>Kiến thức</b>	
	LO.1	Hệ thống hóa được phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục
	LO.2	Hệ thống hóa được lý luận dạy học hiện đại; nền giáo dục ở Việt Nam và trên thế giới; giáo dục trong xu thế phát triển bền vững.
	LO.3	Hệ thống hóa được lý luận về tâm lý học quản lý lãnh đạo; tham vấn trong quản lý giáo dục; giao tiếp trong quản lý giáo dục.
	LO.4	Tích lũy vững chắc những kiến thức chuyên sâu về Khoa học Quản lý giáo dục; về nghiệp vụ quản lý giáo dục; về công nghệ trong quản lý giáo dục.
<b>7.2</b>	<b>Kỹ năng</b>	
	LO.5	Lập được kế hoạch quản lý trong giáo dục; chỉ đạo, tổ chức, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch trong quản lý giáo dục
	LO.6	Thực hiện và ứng dụng có hiệu quả các đề tài nghiên cứu trong quản lý giáo dục
	LO.7	Huy động và phát triển được các nguồn lực trong công tác quản lý giáo dục
	LO.8	Thiết lập tốt các mối quan hệ giữa các lực lượng giáo dục. Xử lý tốt các tình huống trong quản lý giáo dục
<b>7.3</b>	<b>Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn</b>	Học viên có trình độ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương
<b>7.4</b>	<b>Thái độ</b>	
	LO.9	Ý thức trách nhiệm; gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác quản lý
	LO.10	Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà quản lý giáo dục; trung thực, tâm huyết với nghề nghiệp và có trách nhiệm trong công tác quản lý giáo dục; không lợi dụng

		chức vụ quản lý vì mục đích vụ lợi cá nhân; đảm bảo dân chủ trong quản lý giáo dục; tinh thần cầu tiến; quyết đoán; có tầm nhìn
	LO.11	Tác phong làm việc khoa học; giao tiếp, ứng xử có văn hóa; lối sống lành mạnh, phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập;
<b>8</b>	<b>Cấu trúc chương trình đào tạo</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức chung: 7 (Triết học:4 TC, PPNCKHGD:3 TC)</li> <li>- Kiến thức cơ sở: 18 tín chỉ (bắt buộc:12 TC, tự chọn: 6TC)</li> <li>- Kiến thức chuyên ngành: 25 tín chỉ (bắt buộc: 17 TC, tự chọn: 8 TC)</li> <li>- Luận văn tốt nghiệp: 10 tín chỉ</li> </ul>

## Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
<b>Phần kiến thức chung: 7 tín chỉ bắt buộc</b>									
1	ML606	Triết học	4	x		35	50		I
2	SPQ600	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	x		25	40	ML606	I
3		Ngoại ngữ	<i>Học viên tự học đạt 3/6 (tương đương B1) Theo quy định chung của Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo</i>						
<b>Phần kiến thức cơ sở: 18 tín chỉ (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 6 TC)</b>									
4	SPQ601	Giáo dục học so sánh	2	x		20	20		I,II
5	SPQ602	Lý luận dạy học	3	x		25	40	ML606	
6	SPQ603	Nguyên lý phát triển chương trình giáo dục	2	x		20	20	ML606	I,II
7	SPQ604	Tâm lí học quản lý	3	x		25	40	ML606	I,II
8	SPQ605	Tiếp cận trong quản lý giáo dục	2	x		20	20	ML606	I,II
9	SPQ606	Tham vấn tâm lý	2		2	20	20	ML606	I,II
10	SPQ607	Xã hội học giáo dục	2		2	20	20		I,II
11	SPQ608	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	2		2	20	20		I,II
12	SPQ609	Quản lý sự thay đổi	2		2	20	20	ML606	I,II
13	SPQ610	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục	2		2	20	20		I,II
<b>Phần kiến thức chuyên ngành: 25 tín chỉ (bắt buộc: 17, tự chọn: 8)</b>									
14	SPQ611	Khoa học quản lý giáo dục	3	3		25	40	ML606	I,II
15	SPQ612	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục	2	2		20	20	SPQ611	I,II
16	SPQ613	Chiến lược và kế hoạch phát triển giáo dục	2	2		20	20	SPQ611	I,II
17	SPQ614	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục	2	2		20	20	SPQ611	I,II



TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
18	SPQ615	Quản lý tài chính trong cơ sở giáo dục - đào tạo	3	3		25	40	SPQ611	I,II
19	SPQ616	Thanh tra trong giáo dục	2	2		20	20	SPQ611	I,II
20	SPQ617	Chuyên đề	2	2		20	20		I,II
21	SPQ618	Thực tế	1	1		10	10	SPQ611	I,II
22	SPQ619	Xây dựng và quản lý dự án giáo dục	2		2	20	20	SPQ611	I,II
23	SPQ620	Xây dựng văn hóa nhà trường	2		2	20	20	SPQ611	I,II
24	SPQ621	Kinh tế học giáo dục	2		2	20	20	SPQ611	I,II
25	SPQ622	Pháp luật trong giáo dục	2		2	20	20	ML606	I,II
26	SPQ623	Quản lý giáo dục cộng đồng	2		2	20	20	SPQ611	I,II
<b>Phần luận văn tốt nghiệp</b>									
27	SPQ900	Luận văn tốt nghiệp	10	10				SPQ600 SPQ611	II
		<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	<b>44</b>	<b>16</b>				

#### 4.2. Năng lực của người học tốt nghiệp từ CTĐT dự kiến:

	Phân loại	Mô tả
1	Kiến thức	Hệ thống hóa được PPL và PPNCKHQLGD; Hệ thống hóa được LLDH hiện đại; nền GD VN và TG; GD trong xu thế phát triển bền vững; Hệ thống hóa được LL về TLH lãnh đạo; tham vấn trong QLGD; giao tiếp trong QLGD; Tích lũy vững chắc kiến thức chuyên sâu về KHQLGD; về nghiệp vụ QLGD; về công nghệ trong quản lý giáo dục.
2	Kỹ năng	<b>Nghề nghiệp:</b> Lập được kế hoạch QL trong GD; Chi đạo, tổ chức, thực hiện, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch KH trong QLGD; Thực hiện và UD có hiệu quả các đề tài nghiên cứu trong QLGD; Huy động và PT được các nguồn lực trong công tác QLGD; Thiết lập tốt các

		<p>MQH giữa các lực lượng giáo dục. Xử lý tốt các tình huống trong quản lí giáo dục; HV có trình độ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương</p> <p><b>Kỹ năng mềm:</b> Kỹ năng làm việc và giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong hoạt động nhóm; Thích ứng với những thay đổi; Làm chủ được cảm xúc của bản thân, biết thuyết phục và chia sẻ;</p>
3	Đạo đức nghề nghiệp	Có phẩm chất đạo đức, ý thức chính trị và ý thức xã hội của công dân; Tác phong làm việc khoa học, thể hiện tính chuyên nghiệp trong giải quyết vấn đề về quản lý nhà trường và nghiên cứu khoa học; Trung thực trong công tác và nghiên cứu khoa học cũng như đạo đức nghề nghiệp trên tinh thần cống hiến cho chuyên môn và phục vụ cộng đồng phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập.
4	Ngoại ngữ	Học viên tự học đạt chứng nhận B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II, Thông tư 15 ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
5	Tin học	Học viên tự học đạt trình độ tin học văn phòng, tra cứu internet và sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng liên quan giảng dạy và nghiên cứu các vấn đề về quản lý giáo dục.
6	Năng lực tự chủ và Trách nhiệm	Xây dựng ý thức học tập suốt đời và có khả năng thích hợp cho tham gia nghiên cứu ở cấp độ quốc gia và quốc tế. Có kiến thức và trách nhiệm công dân, kiến thức luật pháp. Hiểu biết các vấn đề chính trị xã hội đương thời; bảo vệ môi trường và tăng cường sức khỏe bản thân, gia đình, và cộng đồng.

#### **4.3. Các công việc/vị trí tiềm năng mà người học tốt nghiệp từ CTĐT dự kiến có thể đảm nhận:**

Sau khi tốt nghiệp học viên có khả năng đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí:

- Cán bộ quản lý, lãnh đạo, chuyên viên tại các cơ sở giáo dục - đào tạo các cấp và tại các đơn vị quản lý nguồn nhân lực của các cơ quan, xí nghiệp.

- Giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên tại các trường cao đẳng, đại học, viện, trung tâm nghiên cứu về khoa học giáo dục.

#### **4.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ**

- Sau khi tốt nghiệp học viên có đủ điều kiện và khả năng để tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ về quản lý giáo dục và các chuyên ngành liên quan trong hệ thống giáo dục quốc gia, quốc tế;

- Trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng được đào tạo và ngoại ngữ, học viên có khả năng tự nghiên cứu và tiếp cận nguồn tri thức liên quan đến chuyên ngành trong và ngoài nước để cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và khả năng, năng lực nghiên cứu.

#### **4.5. Dự kiến kế hoạch đào tạo**

- Chương trình đào tạo thạc sĩ học trong 2 năm. Mỗi năm học được tổ chức thành 4 học kỳ. Mỗi học kỳ kéo dài 20 tuần; trong đó gồm 15 tuần học, 1 tuần dự trữ và thi những học phần lẻ, 2 tuần thi học phần chung, 1 tuần xử lý kết quả và 1 tuần nghỉ giữa hai HK. HK1/năm học x-x+1 bắt đầu vào đầu tháng 8 đến cuối tháng 12, HK2/năm học x-x+1 bắt đầu vào đầu tháng 1 đến cuối tháng 5.

Tất cả các học phần đều được giảng dạy trong 2 học kỳ trong năm, học viên sẽ đăng ký học phần cho riêng mình vào đầu mỗi học kỳ theo kế hoạch học tập của mỗi học viên.

- Học phí được tính theo số tín chỉ đăng ký: số TC \* học phí/TC.

- Kế hoạch đào tạo: bố trí các học phần theo từng học kỳ. Tuy nhiên trong quá trình đào tạo theo tín chỉ, học viên có thể học nhanh, học chậm tùy theo năng lực.

- Học viên phải xây dựng kế hoạch học tập (KHHT) toàn khóa bằng cách liệt kê các học phần phải học cho từng học kỳ (HK) của khóa học. KHHT phải được cố vấn học tập (CVHT), Bộ môn và Khoa quản lý ngành học duyệt. KHHT là cơ sở để học viên đăng ký học phần trong mỗi HK.

- Đầu mỗi HK, trường thông báo cho học viên những học phần sẽ giảng dạy trong HK đó và thời khóa biểu (TKB) của từng học phần tương ứng.

- Học viên phải thực hiện đăng ký học phần trước khi HK mới bắt đầu (Học viên mới trúng tuyển, không phải đăng ký học phần cho HK đầu tiên của khóa học). Các học phần đăng ký phải theo KHHT.

- Trước mỗi học kỳ, học viên vào hệ thống lập KHHT, học viên chỉ được đăng ký học phần cho học kỳ đó khi có lập kế hoạch học tập.

- Học viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

+ Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ qui định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình cộng tích lũy của các học phần đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.

- Hằng năm, học viên được tổ chức bảo vệ đề cương vào các tháng 1,6,8 sau khi kết thúc các học kỳ; được nhận Quyết định và Giấy chứng nhận tốt nghiệp vào tháng tiếp theo. Học viên nhận bằng tốt nghiệp vào tháng 3 và tháng 8. Lễ trao bằng tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 4 và tháng 9.

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**  
(Ký tên và đóng dấu)